

Bản án số: 234/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v Ly hôn, con chung
giữa chị C, anh B

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Phán;

Ông Nguyễn Thành Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị C, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Mai Văn B, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(chị C xin vắng mặt ; anh B vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị C và anh Mai Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10-01-2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh B được thời gian thì vợ chồng thuê nhà ra ở riêng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B làm kinh tế không thuận lợi dẫn đến vay nợ nhiều người nên chị C đã nhiều lần phải trả nợ thay cho anh B. Mặt khác tính tình giữa chị C và anh B có nhiều khác biệt nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 7-2019 đến nay chị C đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Hải Vân, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị C làm đơn xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị C và anh B có 01 con chung là cháu Mai Thảo T, sinh ngày 31-10-2017, hiện đang do chị C nuôi dưỡng nên khi ly hôn nguyện vọng của chị C xin được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị C mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Chị Ngô Thị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-6-2020 và biên bản hòa giải ngày 07-7-2020, bị đơn anh Mai Văn B có lời khai phù hợp với lời khai của chị C về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh B là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Nay chị C làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày. Nếu ly hôn, anh đề nghị xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần 2 nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị C, anh B là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Ngô Thị C ly hôn với anh Mai Văn B. Về con chung, giao con chung cho chị C nuôi dưỡng, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Mai Văn B là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị C, anh B.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị C và anh Mai Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải X, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 10-01-2017. Trong cuộc sống giữa anh B và chị C phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nhau nên từ tháng 7 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị C đề nghị xin được ly hôn, anh B đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị C và anh Mai Văn B qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình của chị C, anh B không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên chị C đã đưa con chung về nhà bố mẹ ở xã Hải Vân sinh sống, đến nay chị C và anh B đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị C và anh Mai Văn B có 01 con chung là cháu Mai Thảo T, sinh ngày 31-10-2017, hiện đang do chị C nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị C, anh B xin được nuôi con. Chị C yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị C mỗi tháng 2.000.000đ, anh B không yêu cầu chị C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị C, anh B thì thấy: Cháu Mai Thảo T đang do chị C nuôi dưỡng, chị C có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Mặt khác, đến nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu T cần tiếp tục giao cháu T cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh B tự khai nhận hiện nay đang làm nghề thợ mộc với mức thu nhập 10.000.000đ/01 tháng nên cần buộc anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị C mỗi tháng 2.000.000đ như đề nghị của chị C là phù hợp. Anh B được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh B thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ của vợ chồng: Chị C và anh B xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị C phải nộp án phí ly hôn, anh Mai Văn B phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; đ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị C và anh Mai Văn B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Mai Thảo T, sinh ngày 31-10-2017 cho chị Ngô Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Mai Văn B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị C mỗi tháng 2.000.000đ, kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi cháu T đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Ngô Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002206 ngày 24-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị C đã nộp đủ án phí.

Anh Mai Văn B phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải X: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái

